

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 7 - 2020.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 171/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

Trú tại: tổ 9, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Phan Hoàng O, sinh năm 1978.

Trú tại: số 4716, đường Tân Huệ, ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh O có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Chị và anh Phan Hoàng O tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng đến năm 2002 mới đi đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 58/2002 ngày 19/7/2002. Trong quá trình chung sống đến năm 2017 vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu

thuần. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm và anh O có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh O đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn với anh O.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Phan Hoàng Y, sinh năm 1994, Phan Hoàng Khánh D, sinh năm 1996 và cháu Phan Hoàng Xuân V, sinh ngày 29/6/2002. Hiện tại các cháu đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Trước đây cháu V chưa đủ 18 tuổi, nên chị nguyện vọng xin được nuôi cháu V, nhưng nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phan Hoàng O trình bày ý kiến:**

Anh thừa nhận lời trình bày của chị L là đúng về thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và ly thân, anh thừa nhận anh và chị L đã ly thân từ năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm, chăm sóc, nói chuyện với nhau, nhưng nay anh không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn, anh chỉ đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn khi chị L giải quyết vấn đề tài sản chung với anh xong.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Phan Hoàng Y, sinh năm 1994, Phan Hoàng Khánh D, sinh năm 1996 và cháu Phan Hoàng Xuân V, sinh ngày 29/6/2002. Hiện tại các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, để anh, chị tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Hoàng O.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Tại phiên tòa chị L rút yêu cầu nuôi con chung, nên đình chỉ yêu cầu nuôi con chung của chị L, do con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Hoàng O là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Yêu cầu của chị L xin được ly hôn với anh O. Vì chị L cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị và anh O đã ly thân với nhau từ năm 2017 đến nay, do bất đồng quan điểm sống và anh O có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại anh O cũng đồng ý ly hôn nhưng anh không đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn vì anh muốn giữ anh và chị thỏa thuận xong về tài sản mới đồng ý ký biên bản thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho chị L được ly hôn với anh O là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Tại phiên tòa chị L xin rút yêu cầu tranh chấp về nuôi con chung, vì con chung đã đủ tuổi trưởng thành, nên đình chỉ yêu cầu tranh chấp về nuôi con chung của chị L.

2.4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.5. Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, khoản 1, Điều 227; 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Hoàng O.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

Đình chỉ yêu cầu Tranh chấp về nuôi con chung của chị L.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003996 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Trung Chiến

